

Đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chương: 413

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Chương	Loại Khoản	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>				<b>12.610</b>	<b>12.610</b>	<b>12.610</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính: Văn phòng Sở</b>				<b>12.610</b>	<b>12.610</b>	<b>12.610</b>
	<b>1.1. Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	13	413	340-341	<b>9.599</b>	<b>9.599</b>	<b>9.599</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	- Kinh phí hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP: 360 triệu đồng;	13	413	340-341			
	- Chênh lệch cơ cấu (chi lương, các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh): 237 triệu đồng;	13	413	340-341			
	- Chênh lệch lương tăng thêm từ 1.490.000đồng lên 2.340.000đồng: 2.792 triệu đồng;	13	413	340-341			
	- Kinh phí thực hiện tự chủ tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: 155 triệu đồng.	14	413	340-341			
	<b>1.2. Kinh phí hiện tự chủ: Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</b>	18	413	340-341	<b>535</b>	<b>535</b>	<b>535</b>
	<b>1.3. Kinh phí không thực hiện tự chủ:</b>						
	- Phụ cấp công vụ: 1.396 triệu đồng;						
	- Phụ cấp thanh tra viên: 84 triệu đồng;						
	- Kinh phí đặc thù xăng dầu, công tác phí tham gia các cuộc giám sát, đi kiểm tra cơ sở, sơ kết, tổng kết, rà soát đánh giá xây dựng đề án, nghị quyết và phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra giám sát, công tác phí và văn phòng phẩm phục vụ các kỳ họp Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các nhiệm vụ của tỉnh giao: 600 triệu đồng;						
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh: 56 triệu đồng;	12	413	340-341	<b>2.476</b>	<b>2.476</b>	<b>2.476</b>
	- Kinh phí chi công tác phí đi vận động, thu hút các nguồn vốn nước ngoài (ODA, viện trợ phi chính phủ.): 150 triệu đồng;						
	- Kinh phí trang phục thanh tra: 48 triệu đồng;						
	- Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư: 100 triệu đồng;						
	- Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ: 42 triệu đồng.						
	<i>Trong đó: Kinh phí không thực hiện tự chủ tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: 85 triệu đồng.</i>	14	413	340-341			
<i>Mã KBNN nơi giao dịch: 3161</i>							

Đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chương: 413

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Vấn phòng
1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp Ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
	Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp	20	20	20
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>70</b>
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	40	40	40
	Phí thẩm định dự án đầu tư	30	30	30
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	7	7	7
	Phí thẩm định dự án đầu tư	16	16	16
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>51</b>	<b>51</b>	<b>51</b>
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
	Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp 100%	20	20	20
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	<b>31</b>
	Phí thẩm định dự án đầu tư 10%	3	3	3
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp 70%	28	28	28
<b>4</b>	<b>Thu để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương 40%</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp 40%	5	5	5
	Phí thẩm định dự án đầu tư 40%	11	11	11

Đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chương: 413

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Chương	Loại Khoản	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>				<b>4.749</b>	<b>4.749</b>	<b>4.749</b>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch</b>				<b>4.749</b>	<b>4.749</b>	<b>4.749</b>
	<b>2.1. Kinh phí thường xuyên</b>	13	413	280-338	<b>1.970</b>	<b>1.970</b>	<b>1.970</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	- Chênh lệch lương tăng thêm từ 1.490.000đồng lên 2.340.000đồng: 605 triệu đồng;	13	413	280-338			
	- Kinh phí thường xuyên tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: 30 triệu đồng.	14	413	280-338			
	<b>2.2. Kinh phí không thường xuyên: Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</b>	18	413	280-338	<b>118</b>	<b>118</b>	<b>118</b>
	<b>2.3. Kinh phí không thường xuyên</b> - Kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch: 1.185 triệu đồng; - Kinh phí xây dựng và triển khai bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu: 1.186 triệu đồng; - Kinh phí tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp : 150 triệu đồng; - Kinh phí dịch vụ thuê máy chủ ảo cho sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Lai Châu <a href="http://laichau.biz/">http://laichau.biz/</a> : 100 triệu đồng.	12	413	280-338	<b>2.621</b>	<b>2.621</b>	<b>2.621</b>
	<i>Trong đó: kinh phí không thường xuyên tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: 252 triệu đồng.</i>	14	413	280-338			
	<b>2.4. Kinh phí không thường xuyên: Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ</b>	12	413	400-428	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>40</b>
	<i>Mã KBNN nơi giao dịch: 3161</i>						